TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN** Bản án số:10/2018/HNGĐ-PT Ngày: 28-11-2018 V/v: tranh chấp cấp dưỡng nuôi con.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Phương;

Các Thẩm phán: Ông Quàng Văn Liêm

Ông Cà Văn Pâng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dịu, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: Bà Lò Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2018/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp cấp dưỡng nuôi con. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 245/2018/HNGĐ-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Đội n, xã T, huyện B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Chị Cà Thị Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: Đội m, xã Y, huyện B, tỉnh Điện Biên.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Dương Mai H1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà x, tổ dân phố y, phường T1, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Cà Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lò Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H và chị Đ lấy nhau có đăng ký kết hôn từ năm 2016 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Điên Biên. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau và thường thuyên xảy ra cãi cọ, không hạnh phúc. Hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung tên cháu là Lò Triệu M, sinh ngày 26/02/2016. Anh H đồng ý để cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và sẽ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, đất ruộng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án ngày 23/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Cà Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đ đồng ý ly hôn với anh Lò Văn H.

Về con chung: Chị Đ công nhận vợ chồng có 01 con chung tên cháu là Lò Triệu M, sinh ngày 26/02/2016. Chị Đ có nguyện vọng muốn được nuôi con chung và yêu cầu anh H hàng tháng phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Hoàn cảnh của bị đơn rất khó khăn, lương thấp về nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Tại Bản án số: 245/2018/HNGĐ-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 235; Điều 264 và Điều 267/BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên xử: Anh Lò Văn H được ly hôn với chị Cà Thị Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Lò Triệu M, sinh ngày 26/02/2016 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Hàng tháng anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.200.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2018.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, diện tích ruộng nương, nợ phải trả, nợ lấy về: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2018, chị Cà Thị Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 245/2018/HNGĐ-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B với nội dung: Yêu cầu anh Lò Văn H tăng mức cấp dưỡng nuôi con lên 2.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức cấp dưỡng nuôi con lên 2.000.000 đồng/tháng để đảm bảo cuộc sống bình thường cho cháu Lò Triệu M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên có ý kiến về tính căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội dồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 245/2018/HNGĐ-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án , căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Lò Văn H đối với chị Cà Thị Đ được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã Y, huyện B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đơn kháng cáo của bị đơn chị Cà Thị Đ làm trong hạn luật định phù hợp với các Điều 271, 272 và 273 của BLTTDS năm 2015, kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét, giải quyết.

[2] Xét nội dung kháng cáo: Bị đơn Cà Thị Đ không đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung của anh Lò Văn H là 1.200.000 đồng/tháng và yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con lên 2.000.000 đồng/tháng.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên…"*. Như vậy, anh H không trực tiếp nuôi cháu M, nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Đ là có căn cứ chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng, tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của*

người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".

Hiện nay anh H đang công tác tại Công an huyện M1 với mức lương hiện hưởng là 7.106.903 đồng/tháng (công văn số 550/CV-CAH, ngày 12/11/2018 của công an huyện M1).

Còn đối với chị Cà Thị Đ hiện tại đang công tác tại trường Mầm Non xã L, huyện B với mức lương hiện hưởng là 3.936.855đ/tháng (do chị Đ cung cấp bảng lương cho Tòa án tỉnh Điện Biên vào ngày 08/11/2018).

Theo quy định tại Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình thì *"Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên…".* Vì vậy, nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu Mẫn là nghĩa vụ chung của anh H và chị Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh H khai anh chỉ đồng ý với mức cấp dưỡng cho cháu M 1.200.000đ/1 tháng theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Bởi vì, anh còn phải trả Ngân hàng Agibank chi nhánh huyện M1 là 4.500.000đ/tháng do vay 200.000.000đ để phục vụ chung cho gia đình. Song, chị Đ không thừa nhận số tiền vay đó là vay phục vụ chung cho gia đình, hơn nữa anh H cũng không chứng minh được số tiền vay đó là vay để phục vụ chung cho gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hệ số lương của anh H hiện tại là 4,6 và còn phải trả ngân hàng cả gốc và lãi hàng tháng hơn 4.000.000đ/tháng là không có căn cứ. Bởi vì, số tiền vay 200.000.000đ của anh H là vay riêng của anh H, không thể lấy nghĩa vụ riêng của anh H để xác định trách nhiệm mức cấp dưỡng nuôi con chung của anh H và chị Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS năm 2015 để giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy kháng cáo của chị Cà Thị Đ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm về mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Các phần khác được nêu trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Cà Thị Đ được chấp nhận, nên chị Cà Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Cà Thị Đ, sửa bản án sơ thẩm số 245/2018/HNGĐ-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên như sau:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về con chung: Giao con chung là Lò Triệu M, sinh ngày 26/02/2016 cho chị Cà Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giá dục. Buộc anh Lò Văn H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Cà Thị Đ hàng tháng. Mức cấp dưỡng là 2.000.000đ *(hai triệu đồng)*/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật (ngày 28/11/2018).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lò Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0002802, ngày 17/5/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Điện Biên (đã nộp).

Anh H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)*.

2.2. Về án phí phúc thẩm: Chị Cà Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo của chị Đ được chấp nhận. Trả lại số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* dự phí phúc thẩm cho chị Cà Thị Đ do chị Đ đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003034, ngày 23/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Điện Biên.

3. Các phần khác được nêu trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2018)./.

Nơi nhận:
- TAND huyện B;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lương Tiến Phương